

Hà nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm tài chính 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khai quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN3
- Tên tiếng Anh: VIWASEEN3 JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : VIWASEEN3
- Mã số doanh nghiệp: 0102133351
- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)
- Trụ sở chính: Km 14+500 Quốc lộ 1A xã Liên Ninh huyện Thanh Trì TP Hà Nội
- Điện thoại : 024.38615419; 024.36865650
- Số fax : 024.36860383
- Website : www.viwaseen3.com.vn
- Email: kxd-tekt@gmail.com.vn
- Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết.

* Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty cổ phần Viwaseen3 là Xí nghiệp Khoan khai thác nước ngầm được thành lập theo Quyết định số 143/QĐ-TCLĐ ngày 5/3/1999 của Tổng công ty XNK Xây dựng Việt Nam với tên gọi Xí nghiệp Khoan khai thác nước ngầm.

Xí nghiệp Khoan khai thác nước ngầm được chuyển thành công ty cổ phần Khoan và Xây dựng- Viwaseen.3 theo quyết định số 1732/QĐ-BXD ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 1/1/2007 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015253, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 16/6/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 10/7/2009, thay đổi lần thứ 4 số 0102133351 ngày 20/9/2010.

Tháng 6/2011, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102133351 lần thứ 5 ngày 30/6/2011 với số vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Tháng 4/2012 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Viwaseen3

Ngày 20/02/2020, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 15/2020/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký lần đầu là 2.000.000 cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ chuyên ngành cấp thoát nước	3290 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ chuyên ngành cấp thoát nước	4663
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: - Tư vấn xây dựng các công trình cấp thoát nước và môi trường. - Thiết kế và thi công khoan khai thác nước ngầm, khoan cọc nhồi, khoan thăm dò khoáng sản, khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn và xử lý nền móng công trình	7110
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ chuyên ngành cấp thoát nước.	8299
6	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
7	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Làm đại lý cho các hãng sản xuất vật tư, thiết bị trong và ngoài nước phục vụ sản xuất tiêu dùng.	4610
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Luật kinh doanh BĐS)	6810
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật khác	4299
11	(CHUYÊN ĐỔI TỪ ĐƠN VỊ KINH TẾ TRỰC THUỘC, XI NGHIỆP KHOAN KHAI THÁC NƯỚC NGẦM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1732/QĐ-BXD NGÀY 13/12/2006 CỦA BỘ XÂY DỰNG) (TÊN CŨ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ XÂY DỰNG – VIWASEEN3)	Ngành, nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2.2 Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Sơn Tây, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Bắc ninh....

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

3.1 Mô hình quản trị:

* **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

* **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

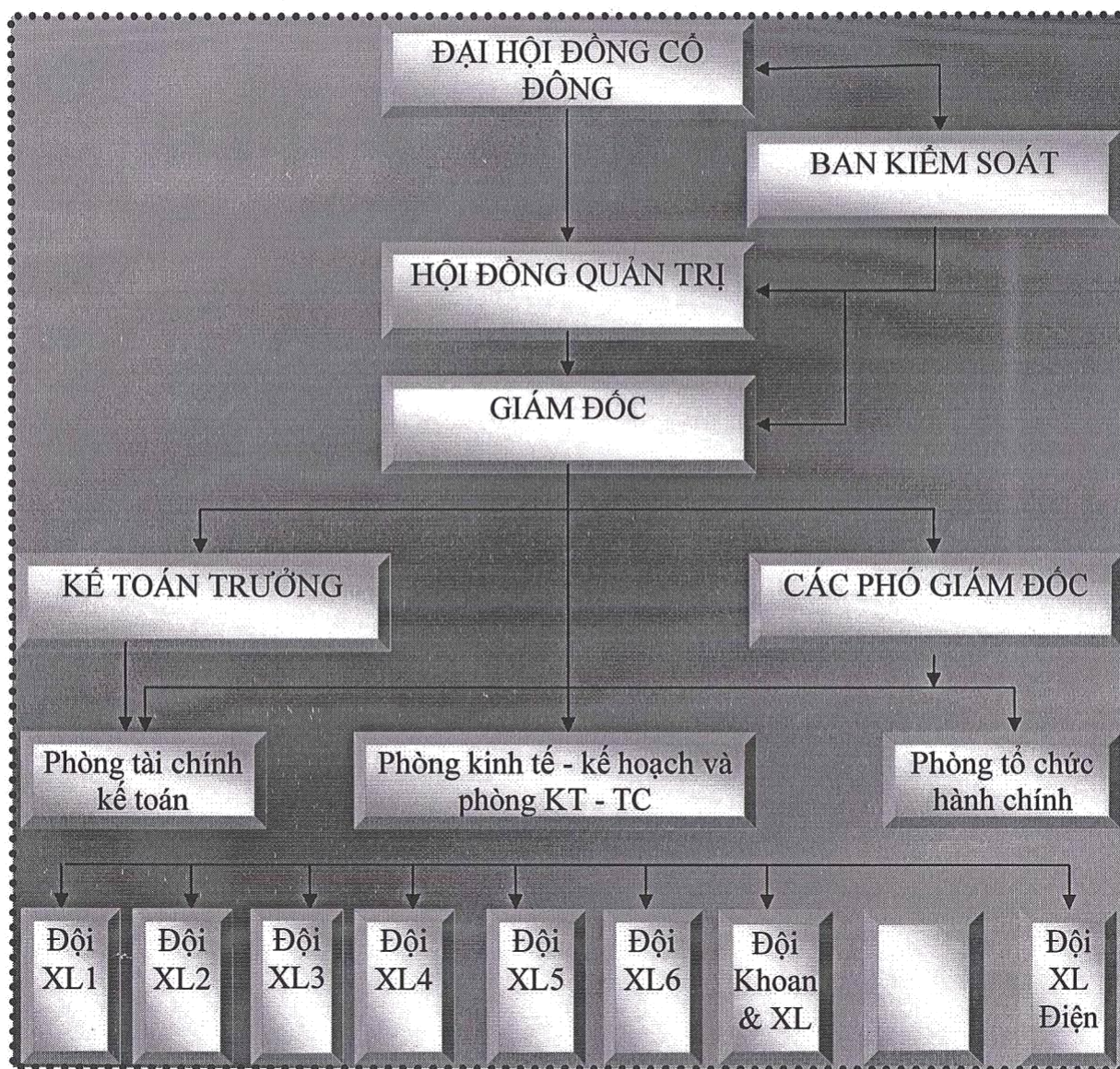
* **Giám đốc:** Giám đốc điều hành Công ty là người Đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám đốc điều hành Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

* **Phó Giám đốc:** Các Phó Giám đốc điều hành Công ty giúp việc cho Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc điều hành, chịu trách nhiệm trước Giám đốc điều hành Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền.

* **Các phòng chức năng:** Do Hội đồng quản trị thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc điều hành, các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc điều hành các công việc thuộc phạm vi chức năng của phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

* **Các đội xây lắp trực thuộc:** Thực hiện thi công xây lắp các gói thầu của Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển:

- Tập trung đẩy mạnh công tác đầu thầu, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại; đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai thi công các dự án công trình đang thực hiện. Công ty tiếp tục tăng cường chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ, chất lượng từng dự án, các công trình, dự án lớn mang tính quyết định đến doanh thu, sản lượng của công ty, đồng thời tăng cường và củng cố lĩnh vực truyền thống của Công ty là xây dựng các công trình cấp thoát nước, tiến tới những bước phát triển vượt bậc về cả chiều rộng và chiều sâu, làm hài lòng các đối tác, nhà thầu chính và các chủ đầu tư.

- Công ty lấy phương châm “**Năng suất - Chất lượng - Hiệu quả**” làm định hướng cho chiến lược phát triển. Cố gắng đảm bảo yếu tố chất lượng của sản phẩm, nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành, tăng cường tiết kiệm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh để phát triển Công ty ổn định, bền vững.

- Xây dựng, phát triển lực lượng người lao động thành đội ngũ chuyên nghiệp đảm bảo khả năng chiếm lĩnh thị trường xây lắp tại khắp các miền.

- Củng cố và xây dựng nguồn lực, thương hiệu Viwaseen3 đủ năng lực và điều kiện là nhà thầu lựa chọn công trình, dự án.

- Đảm bảo tiến độ chất lượng từng công trình để giữ uy tín thương hiệu trên thị trường.

- Tối đa hoá lợi nhuận, chi trả cổ tức tăng ổn định, đóng góp nhiều cho ngân sách nhà nước và tạo công ăn việc làm ổn định cho CBCNV với thu nhập không ngừng nâng cao.

+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Đối với cộng đồng: Với tinh thần hướng tới cộng đồng Viwaseen3 nhận thức rõ: Sản phẩm của là những công trình cấp thoát nước và môi trường ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người, góp phần cải tạo môi trường sống của cộng đồng và tác động đến chất lượng của nhiều sản phẩm khác. Vì vậy Viwaseen3 cam kết mong muốn cung cấp những sản phẩm và dịch vụ chuyên ngành chất lượng cao với giá cả phù hợp, đáp ứng yêu cầu của khách hàng là trách nhiệm cao nhất. Do đó lãnh đạo Viwaseen3 mong muốn khi khách hàng tìm hiểu về các công trình cấp thoát nước do công ty thi công sẽ biết đến một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Đối với nhân viên: Viwaseen3 là doanh nghiệp uy tín trong lĩnh vực xây dựng các công trình Xây lắp cấp thoát nước. Với chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, chúng tôi là một trong những công ty tạo được một môi trường làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên và tạo công ăn việc làm ổn định cho CBCNV cũng như lực lượng lao động thuê ngoài xã hội.

Đối với môi trường: Viwaseen3 hướng tới đến các mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, tại các công trình do Viwaseen3 thi công, đảm bảo vệ sinh quang cảnh môi trường xanh sạch đẹp.

5. Các rủi ro

Công ty đối mặt với rất nhiều thách thức và rủi ro từ: Chính sách pháp luật, tín dụng luôn thay đổi ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của Công ty. Do Xây dựng các công trình có thời gian dài, đối với các hợp đồng không điều chỉnh giá thì nguyên vật liệu thay đổi ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp, Tỷ giá, giá cả các loại vật tư, nhiên liệu luôn biến đổi khó lường nên ảnh hưởng đến giá của các hợp đồng dự thầu hiện đơn vị đang thực hiện chiếm khối lượng lớn.

- Nguồn lực về lao động vẫn chưa được phát huy một cách tốt nhất, một số vị trí thường xuyên bị thiếu hụt do biến động của thị trường lao động và sự cạnh tranh lao động của các đơn vị ngành nghề.

- Công tác giải phòng mặt bằng gặp nhiều khó khăn chính sách đền bù chưa đồng bộ đa phần người dân thắc mắc về giá đền bù dẫn đến làm chậm tiến độ thi công.

Tuy nhiên Lãnh đạo công ty Viwaseen3 quyết tâm đưa ra các giải pháp để thích nghi với thị trường, vượt qua những khó khăn, duy trì tốc độ tăng trưởng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động SXKD trong năm 2019: Nhìn chung trong năm Công ty cổ phần Viwaseen3 vẫn luôn giữ vững được sự tăng trưởng và ổn định.

Song song với quá trình phát triển về sản xuất kinh doanh, các chế độ chính sách của Công ty đối với người lao động ngày càng được hoàn thiện, thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2019
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	304.440
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	281.044
3	Lợi nhuận		
	-Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.472
	-Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.468
4	Mức cổ tức dự kiến	%	10

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch của Công ty cổ phần Viwaseen3

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% thực hiện so với KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	297.440	304.624	102,4
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	243.696	281.044	115,32
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.702	5.472	81,64
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.361	3.468	64,68
5	Mức cổ tức dự kiến (%)	%	12	10	83,33
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/người/ tháng	8,0	8,0	100

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách ban điều hành tính đến ngày 06/01/2020.

- Thành viên HĐQT bao gồm 05 thành viên, trong đó:

- | | |
|-----------------------|-------------------------------|
| + Ông Nguyễn Hữu Hành | Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty |
| + Bà Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT |
| + Ông Lưu Xuân Quang | Thành viên HĐQT |
| + Ông Nguyễn Hải Đăng | Thành viên HĐQT |
| + Ông Nguyễn Văn Hải | Thành viên HĐQT |

Số thành viên độc lập không tham gia điều hành trực tiếp Công ty là 01 người : Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thành viên Ban giám đốc bao gồm 04 thành viên, trong đó:

- | | |
|-----------------------|---------------------------------------|
| + Ông Nguyễn Hữu Hành | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành |
| + Ông Lưu Xuân Quang | Phó Giám đốc |
| + Ông Nguyễn Văn Hải | Kế toán trưởng |
| + Ông Vũ Đức Toàn | Phó Giám đốc |

- Thành viên ban kiểm soát Công ty bao gồm 03 thành viên, trong đó:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| + Bà Bùi Khánh Linh | Trưởng ban kiểm soát |
| + Ông Bùi Việt Trung | Thành viên |
| + Ông Lê Ngọc Bình | Thành viên |

Số lượng cổ phiếu mà các thành viên ban điều hành đang nắm giữ đến ngày 06/01/2020

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Số CP sở hữu 31/12/2019	Số CP sở hữu 31/3/2020
A	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Hữu Hành	1963	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Cty	248.336	248.336
2	Lưu Xuân Quang	1975	Thành viên HĐQT	5.000	5.000
3	Nguyễn Hải Đăng	1977	Thành viên HĐQT	730	730
4	Nguyễn Thị Hương	1975	Thành viên HĐQT	0,000	0,000
5	Nguyễn Văn Hải	1977	Thành viên HĐQT	1.500	1.500
B	Ban giám đốc				
1	Nguyễn Hữu Hành	1963	Giám đốc	248.336	248.336
2	Lưu Xuân Quang	1975	Phó giám đốc	5.000	5.000
4	Vũ Đức Toàn	1975	Phó Giám đốc	3.400	3.400
5	Nguyễn Văn Hải	1977	Kế toán trưởng	1.500	1.500
C	Ban kiểm soát				
1	Bùi Khánh Linh	1977	Trưởng ban KS	0,000	0,000
2	Bùi Việt Trung	1976	Thành viên	0,000	0,000
3	Lê Ngọc Bình	1983	Thành viên	5.000	5.000

- Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2019: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên ký hợp đồng trực tiếp với Công ty CP Viwaseen3: 89 người

+ Chính sách đối với người lao động:

Thực hiện trả lương và các chế độ khác của người lao động theo Luật lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo lại CBCNV. Tăng cường công tác đánh giá, lựa chọn CBCNV có chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề và tính kỷ luật cao, chấm dứt CBCNV có kỷ luật yếu; đồng thời tích cực liên kết với các trường đào tạo tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu công nghệ thiết bị và quản lý tiên tiến hiện đại theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về việc xây dựng nguồn nhân lực trong thời kỳ

công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, với mục tiêu: Xây dựng nguồn nhân lực của Công ty, đủ số lượng, mạnh về thể chất, có tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ cao; có kiến thức kinh tế, kỹ năng; hiểu biết pháp luật và thực hiện tốt chương trình văn hóa doanh nghiệp. Duy trì thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế đối thoại trực tiếp tạo dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

Khuyến khích CBCNV phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động; đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả ở tất cả các công trình mà đơn vị đảm nhận.

Duy trì mối quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với các đơn vị trong cộng đồng Viwaseen; với khách hàng và đối tác của đơn vị. Không ngừng nâng cao thu nhập, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho CBCNV tạo động lực và mục tiêu phấn đấu xây dựng Công ty phát triển bền vững.

3- Tình hình đầu tư, tình thực hiện các dự án

Trong năm 2019, Công ty đã triển khai thực thi các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Tham gia đấu thầu và trúng thầu nhiều các công trình có giá trị lớn: Công trình Bắc ninh: 77,388 tỷ; Công trình Sông Đuống: 25.234 tỷ, gói thầu số 08 Đông Anh: 12,998 tỷ đồng,....

Vốn đầu tư: Năm 2019 thanh toán nốt số tiền mua 02 lô đất là: 5.514 triệu đồng. Vì trong bối cảnh thị trường khó khăn về vốn, Công ty chủ yếu tập trung vốn để ưu tiên cho các công trình đẩy nhanh tiến độ vì thế Công ty chưa đầu tư giá trị tài sản nào có giá trị lớn.

- Tình hình đầu tư tài chính: Công ty không đầu tư vào lĩnh vực tài chính nào.

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	278.771	184.383	66,141%
Doanh thu thuần	286.930	281.044	97,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.569	6.106	63,81%
Lợi nhuận khác	37	-633	
Lợi nhuận trước thuế	9.607	5.472	56,95%
Lợi nhuận sau thuế	7.267	3.468	47,72
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến năm 2019	12%	10%	83,33%

Các chỉ tiêu khác: Không

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,20	1,23
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSNH – hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,53	0,81
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,82	0,75
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	4,63	3,02
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,29	2,46
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần	1,07	1,21
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,53	1,23
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,02	7,27
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,71	1,50
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,34	2,17

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a/ Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

+ Số cổ phần đang lưu hành: 2.000.000 cổ phần

b/ Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Tổng số cổ phần: 2.000.000 cổ phần

Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 06/01/2020 của Công ty là: 100 cổ đông

Cổ đông lớn chiếm trên 50% VDL: Tổng công ty Viwaseen (54,5%)

Các cổ đông tổ chức: 03 tổ chức với tổng số cổ phần 96.400 cổ phần (chiếm 4,82%)

TT	Quốc gia	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần
1	Việt Nam	Công ty CP Viwaseen1	Trụ sở: 56/ 85 -Hạ Đình - Thanh Xuân - HN	36.400
2	Việt Nam	Công ty CP Viwaseen2	Trụ sở: 56/ 85 -Hạ Đình - Thanh Xuân - HN	40.000
3	Việt Nam	Công ty CP Vi waseen4	Trụ sở: Km 14,5 Liên Ninh - Thanh Trì - HN	20.000
		Tổng cộng		96.400

Cổ đông cá nhân: 95 cổ đông với tổng số cổ phần là: 813.600 cổ phần (chiếm 40,68%)

Số cổ đông trong nước: 100 cổ đông với tổng số 2.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%

Số cổ đông nước ngoài: Không có.

Cổ đông nhà nước: Tổng công ty Viwaseen chiếm 1.090.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 54,5%. Cổ đông khác chiếm 910.000 cổ phần tương ứng 45,5%.

Danh sách 14 cổ đông sở hữu cổ phần lớn nhất chiếm trên 1% vốn điều lệ:

TT	Tên cá nhân, tổ chức	Địa chỉ	CNTC	Số CP	Tỷ lệ
1	Tổng công ty Viwaseen	52 Quốc Tử Giám - Đống Đa Hà Nội	Tổ chức	1.090.000	54,5%
2	Công ty CP Viwaseen1	Trụ sở: 56/ 85 -Hạ Đình - Thanh Xuân - HN	Tổ chức	36.400	1,82%
3	Công ty CP Viwaseen2	Trụ sở: 56/ 85 -Hạ Đình - Thanh Xuân - HN	Tổ chức	40.000	2,00%
4	Công ty CP Vi waseen4	Trụ sở: Km 14,5 Liên Ninh - Thanh Trì - HN	Tổ chức	20.000	1,00%
5	Nguyễn Hữu Hành	Số 81 ngõ 148 đường Trần Duy Hưng - Trung Hoà - Cầu Giấy - HN	Cá nhân	248.336	12,41%
6	Đỗ Xuân Bốn	Số 5, ngách 6/30 Phố Đội Nhân - Vĩnh Phúc - Ba Đình - HN	Cá nhân	20.391	1,01%
7	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Số 7 Ngõ Sỹ Liên Hà Nội	Cá nhân	20.000	1,00%
8	L ý Kim Dung	Số 14, Ngõ 165 - P. Khương Thượng - Đống Đa - HN	Cá nhân	40.767	2,03%
9	Hoàng Văn Thịnh	Viện Vật liệu xây dựng số 235 Nguyễn Trãi - Thanh xuân - HN	Cá nhân	32.280	1,61%
10	Lê Khả Mạnh	5/24 Đào Tấn - Ba Đình - HN	Cá nhân	20.000	1,00%
11	Trần Tiến Dũng	Số 31, ngõ 82 - Phạm Ngọc Thạch - HN	Cá nhân	21.670	1,08%
12	Nguyễn Thanh Bình	Số nhà 6B ngõ 575 Kim Mã Ba Đình - Hà Nội	Cá nhân	20.000	1,00%
13	Lê Thị Ngọc Lan	Số 12 ngách 310/15 Nghi Tàm - Quảng An - Tây Hồ - HN	Cá nhân	30.000	1,50%
14	Nguyễn Hùng Tâm	TT trường cao đẳng công nghiệp dệt may thời trang xã lệ Chi Gia Lâm hà Nội	Cá nhân	26.300	1,31%
		Tổng cộng		1.666.144	83,30%

c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2019: Không

d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2019: Không

e/ Các chứng khoán khác năm 2019: Không

III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

I.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	% thực hiện so với KH
1	Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	297.440	304.624	102,4
2	Doanh thu thuần	Tr.đồng	243.696	281.044	115,32
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	6.702	5.472	81,64
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.361	3.468	64,68
5	Mức cổ tức dự kiến (%)	%	12	10	83,33
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/người/ tháng	8,0	8,0	100

II- Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản.

Theo báo cáo tài chính năm 2019 cho thấy tổng giá trị tài sản giảm 94.388 triệu đồng so với năm 2018, chủ yếu do hàng tồn kho giảm cho thấy các công trình được nghiệm thu quyết toán bàn giao. Nếu nhìn vào kết cấu tài sản của Công ty thì tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong tổng tài sản 92,57% cho thấy công ty đẩy mạnh vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hạn chế đầu tư tài sản cố định và các khoản đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.

Trong năm phát sinh chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn đây là giá trị Công ty đã mua 02 lô đất dự án Khu Đô Thị Thanh Hà.

b/ Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

+ Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện năng lực về tài chính có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 1,23 > 1 cho thấy khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là rất an toàn.

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản của doanh nghiệp 75% cho thấy 75% tài sản của doanh nghiệp là từ đi vay và nợ khách hàng, doanh nghiệp huy động được nguồn vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy được vai trò của đòn bẩy tài chính.

+ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu nó cho biết tỷ lệ giữa hai nguồn vốn cơ bản là nợ và vốn chủ sở hữu, tỷ lệ này năm 2019 là 3,02 lần giảm 1,61 lần so với năm 2018 là do nguyên nhân sau đây .

Năm 2019 là năm rất khó khăn hoạt động xây dựng nói chung và trong lĩnh vực cấp thoát nước nói riêng. Các nguồn vốn ngân sách trong lĩnh vực xây dựng gần như đều khép lại, chỉ có nguồn vốn tư nhân nhưng lại rất hạn chế. Với sự cố gắng không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty giá trị SXKD của Công ty vẫn giữ ở mức ổn định và có sự tăng trưởng so với kế hoạch đề ra tạo công ăn việc làm cho người lao động đảm bảo đời sống cho toàn thể CBCNV trong Công ty, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà Nước và đặc biệt tạo được lòng tin ở các cổ đông do sinh lời từ các nguồn vốn đóng góp thông qua việc chi trả cổ tức với tỷ lệ cao so với mặt bằng các công ty cổ phần

xây dựng hiện nay.

+ Công tác tìm kiếm việc làm năm 2019 cũng hết sức khó khăn và cạnh tranh về giá để trúng thầu. Một số công trình có giá trị lớn công ty chỉ thực hiện phần thi công xây dựng (Vật tư chính chủ đầu tư cấp) dẫn đến chi phí tăng.

+ Đối với các công trình thi công xây dựng nhà máy do yêu cầu tiến độ gấp rút Công ty không đủ nguồn nhân lực và máy móc thiết bị thi công, vì vậy công ty phải ký hợp đồng thuê phụ với các nhà thầu có năng lực với giá cao hơn mặt bằng chung để đảm bảo tiến độ, chất lượng và uy tín với Chủ đầu tư như công trình Gói 8 Đông Anh; Công trình nâng công suất nhà máy nước Bắc Ninh....

+ Do một số công trình thi công trong những năm trước kéo dài tới năm 2019 mới được quyết toán, kiểm toán phê duyệt đã bị cắt giảm. Điển hình như công trình gói 24 đường 5 (Tổng Công ty Viwaseen giao thầu cho Công ty Viwaseen3 thực hiện), từ năm 2009 công việc thi công gặp rất nhiều khó khăn, việc giải phóng mặt bằng rất chậm dẫn đến tiến độ thi công kéo dài, phát sinh khối lượng và các khoản chi phí rất lớn ngoài dự toán: như thuê kho bãi, máy móc thi công, lãi vay.... không được chủ đầu tư phê duyệt.

+ Một số công trình cũng do tính chất đặc thù chỉ nhằm mục đích mang lại năng lực, kinh nghiệm thi công cho Công ty nên cũng không đạt lợi nhuận.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý: không

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch SXKD năm 2020:

Bước vào năm 2020 là một năm rất khó khăn, trong điều kiện kinh tế trên toàn thế giới cũng như trong nước chịu ảnh hưởng rất lớn của dịch bệnh Covid -19 nó tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Trong bối cảnh đó, trên cơ sở đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra một số mục tiêu, nhiệm vụ để hoàn thành kế hoạch SXKD đặt ra như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	303,363	
2	Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	14,194	
3	Doanh thu sau thuế	Tỷ đồng	276,116	
4	Tổng số nộp ngân sách	Tỷ đồng	14,154	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,5	
6	Cổ tức	%	8	

Năm 2020 và các năm tiếp theo Công ty xác định: Tiếp tục ổn định tăng trưởng- Củng cố nội lực. Trong đó Công ty tập trung những hoạt động chính sau:

- Tăng cường công tác quan hệ đối ngoại tích cực tìm kiếm các công trình dự án có nguồn vốn thuận lợi. Phấn đấu trở thành những nhà thầu chuyên nghiệp tham gia đấu thầu thi công những công trình có qui mô và giá trị lớn, yêu cầu công nghệ cao.

- Chủ động nắm bắt thị trường, biết tận dụng cơ hội vượt qua khó khăn thách thức, đề đưa ra các giải pháp, không để ách tắc, trì trệ gây cản trở cho hoạt động SXKD.

- Tăng cường việc kiểm tra giám sát tuân thủ kỷ luật lao động trong điều hành - giao nhiệm vụ để nâng cao năng suất chất lượng công việc bằng cách xây dựng tác phong làm việc có tính kỷ cương, ứng xử chuẩn mực, chuyên nghiệp, công bằng, minh bạch, làm đúng làm đủ theo quy chế nội bộ.

- Về tài chính: Tính toán cân đối sử dụng dòng tiền cho SXKD hiệu quả nhất. Tiếp tục duy trì công tác kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro, đảm bảo hệ thống tài chính của Công ty lành mạnh, minh bạch.

- Về xây lắp: không chạy theo sản lượng hay số lượng công trình. Chỉ tham gia đấu thầu và nhận thầu thi công những công trình có nguồn vốn thuận lợi.

- Công tác đầu tư: Chú trọng công tác đầu tư phát triển đảm bảo cơ sở vật chất lâu dài như trụ sở làm việc, nhà xưởng, kho bãi. Đầu tư mua sắm thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhằm thay đổi cơ cấu tài sản, tăng năng lực thi công các dự án có hiệu quả và tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố nâng cao vị thế hiện có của Công ty.

- Mở rộng SXKD sang một số lĩnh vực mới đặc biệt tham gia vào lĩnh vực xây dựng dân dụng; sản xuất sản phẩm công nghiệp phục vụ chuyên ngành cấp thoát nước xuất khẩu lao động, vật liệu xây dựng....tiến tới giảm dần tỷ trọng doanh thu xây lắp.

- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược mới có năng lực tài chính, tiềm năng trong kinh doanh để đảm bảo huy động vốn.

- Tiếp tục thực hiện công tác bảo đảm an ninh xã hội đối với người lao động thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội trên tinh thần tiết kiệm - ý nghĩa thiết thực.

- Xây dựng Viwaseen3 trở thành doanh nghiệp có uy tín- thương hiệu hàng đầu trên lĩnh vực xây lắp theo mô hình Công ty đa ngành nghề trong đó hoạt động Xây lắp vẫn là nền tảng, đảm bảo kinh doanh có lãi, tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển của đất nước, tối đa hoá lợi ích cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, quan tâm đến trách nhiệm xã hội.

V. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Theo đánh giá của HĐQT năm 2019 là một năm nhiều khó khăn và thách thức, Viwaseen3 đã phải đổi mới để vượt qua và tiếp tục phát triển. Với nền tảng kinh nghiệm vững chắc, uy tín thương hiệu tốt; đồng thời với sự nỗ lực hết mình của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty CP Viwaseen3 đã có một năm hoạt động được đánh giá là thành công về công tác SXKD về doanh thu đạt 281 tỷ, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 5 tỷ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban giám đốc thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất.

Kết thúc năm 2019 Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Ban giám đốc cũng đã góp phần thực hiện thành công các kết quả SXKD.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Các mục tiêu chủ yếu của HĐQT trong năm 2020

Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020: Tổng giá trị SXKD 303 tỷ đồng, giá trị đầu tư phát triển 14,194 tỷ đồng; doanh thu sau thuế dự kiến 276 tỷ đồng, nộp ngân sách 14 tỷ đồng, lợi nhuận 5,5 tỷ đồng.

Tiếp tục duy trì thương hiệu Viwaseen3 trên thị trường, phấn đấu năm 2020 và các năm tiếp theo trở thành một đơn vị mạnh trong Tổng công ty Viwaseen, có năng lực cạnh tranh với nhiều ngành nghề, nhiều sản phẩm có chất lượng cao.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Chỉ đạo, điều hành tuân thủ nghiêm các hoạt động SXKD theo hệ thống quy chế, quy định nội bộ Công ty đồng thời bám sát vào phương châm hoạt động năm 2019 để triển khai nhiệm vụ theo phân công, uỷ quyền.

+ Thực hiện tốt chủ trương của Đảng, Nhà nước chương trình hành động của Tổng Công ty về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Tăng cường công tác thu hồi vốn, tăng nhanh vòng quay vốn, giảm số dư nợ ngân hàng, giảm lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Duy trì thường xuyên mối quan hệ với các ngân hàng truyền thống đảm bảo nguồn vốn vay phục vụ cho SXKD và đầu tư.

+ Triển khai công tác quy hoạch để lựa chọn nguồn cán bộ kế cận, đẩy mạnh thực hiện công tác đào tạo bằng nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp cho từng đối tượng, tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung các chính sách, cơ chế đảm bảo thu hút lực lượng lao động trực tiếp nhất là những công nhân đã qua đào tạo và có tay nghề cao.

+ Triển khai phát động phong trào thi đua sản xuất, an toàn lao động, xây dựng lộ trình xét đề nghị khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong Công ty. Phổ biến, hướng dẫn kiểm tra thực hiện tốt Quy chế kỷ luật lao động và xử lý cương quyết các trường hợp vi phạm.

+ Tập trung nâng cao chất lượng Đảng viên, song song với đánh giá chất lượng cán bộ hàng quý, hàng năm Tổ chức mạng lưới công đoàn phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty; củng cố nâng cao chất lượng các công đoàn bộ phận. Tham gia tích cực các hoạt động tại các địa bàn hoạt động của Công ty dành phần lớn Quỹ phúc lợi để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổ chức duy trì các hoạt động truyền thống nhân các ngày lễ lớn trong năm.

Với các định hướng và mục tiêu đã đặt ra Công ty cổ phần Viwaseen3 quyết tâm tổ chức thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2020 và làm tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	CP Tcty uỷ quyền		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hữu Hành	CT HĐQT-GĐ Cty	300.000	15,0%	
3	Nguyễn Thị Hương	Thành Viên HĐQT	490.000	24,5%	
4	Nguyễn Văn Hải	Thành viên HĐQT			
5	Lưu Xuân Quang	Thànhviên HĐQT - Phó GĐ Cty	300.000	15%	
6	Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT			

Số lượng thành viên độc lập không trực tiếp điều hành Công ty là 01 người: Bà Nguyễn Thị Hương

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c/ Hoạt động của hội đồng quản trị: Trong năm 2019 hoạt động của HĐQT là tốt thể hiện qua việc thường xuyên có các cuộc họp như sau:

- Thông qua SXKD năm 2018 và KHSXKD năm 2019
- Thông qua phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2018 và quỹ lương kế hoạch năm 2019
- Thông qua việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 và một số nội dung khác thông qua HĐQT.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
- Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông và thời điểm chi trả cổ tức năm 2019
- Thông qua việc vay vốn ngân hàng TMCP VCB và NH NNPT NT Chi nhánh Thanh Trì, NH MB
- Chi nhánh Thanh Trì.
- Thống nhất sắp xếp miễn nhiệm và bổ nhiệm cán bộ
- Thống nhất kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2019 và xử lý tài chính năm 2019; Thống nhất sửa đổi bổ sung quy chế giao khoán nội bộ.
- Thống nhất đăng ký chứng khoán Tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch Upcom.

- Ban hành sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d/Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e/Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

f/Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban kiểm soát

a/ Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu
1	Bùi Khánh Linh	Trưởng ban KS	0
2	Bùi Việt Trung	Thành viên	0
3	Lê Ngọc Bình	Thành viên	5.000

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát

Với số lượng 3 thành viên, trong năm 2019 Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát đã tham gia dự các cuộc họp định kỳ với Ban giám đốc, giám sát và kiểm tra kết quả hoạt động, điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công ty trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, góp phần làm cho hoạt động SXKD được minh bạch, lành mạnh.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, ban điều hành Công ty, ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho ban kiểm soát tiếp cận và kiểm tra tính sát thực tình hình tài chính và các mặt hoạt động của Công ty.

- Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp để kiểm điểm, đánh giá công việc thực hiện, phối hợp cùng HĐQT, ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các NQ ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ đề ra.

- Thực hiện việc kiểm tra định kỳ tại Công ty, từ đó giúp Ban điều hành Công ty nắm bắt được tình hình hoạt động tại Công ty, đánh giá được năng lực hoạt động và khả năng điều hành bộ máy lãnh đạo, thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a/ Thù lao, các khoản lợi ích trong năm 2019.

TT	Tên các chức danh	Thù lao HĐQT, BKS và các lợi ích khác		
		Thù lao (HĐQT, BKS) (đồng)	Thưởng Ban điều hành(đồng)	Các lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hữu Hành - CT HĐQT- Giám đốc Cty	72.000.000	78.467.000	
2	Nguyễn Thị Hương- TV HĐQT	72.000.000		
3	Nguyễn Hải Đăng- TV HĐQT	72.000.000	38.630.000	
4	Lưu Xuân Quang - TV HĐQT	72.000.000	50.702.000	
5	Nguyễn Văn Hải – TV HĐQT	70.258.000	50.702.000	
II	Ban Giám đốc			
1	Vũ Đức Toàn - Phó Giám đốc		38.630.000	
III	Ban kiểm soát			
1	Bùi Khánh Linh	60.000.000		
2	Bùi Việt Trung	42.000.000		
3	Lê Ngọc Bình	42.000.000	38.630.000	
IV	Thư ký HĐQT	18.000.000	31.387.000	
	Tổng cộng	520.258.000	327.148.000	

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty CP Viwaseen3 thực hiện đầy đủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

1. Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang theo dõi khoản công nợ trả trước cho người bán tồn đọng với số tiền là 1,75 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận công nợ và các tài liệu cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(Có báo cáo tài chính đính kèm)

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Công ty cổ phần Viwaseen3 về kết quả SXKD và hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2019.

Xin gửi đến UBCK Nhà Nước và các Quý cổ đông, nhà đầu tư./.

Nơi nhận:

- UBCK NN
- Lưu TCKT



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Hành

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viwaseen 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tiền thân là Xí nghiệp Khoan khai thác Nước ngầm trực thuộc Tổng Công ty Dầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam - VIWASEEN được thành lập theo Quyết định số 1732/QĐ-BXD ngày 13/12/2006 của Bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 14+500 xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Hành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông Lưu Xuân Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Hải Đăng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Hành	Giám đốc
Ông Lưu Xuân Quang	Phó Giám đốc
Ông Vũ Đức Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Khánh Linh	Trưởng ban
Ông Bùi Việt Trung	Thành viên
Ông Lê Ngọc Bình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Hữu Hành

Số: 200320.014/BCTC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viwaseen 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viwaseen 3 được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang theo dõi khoản công nợ trả trước cho người bán tồn đọng với số tiền là 1,75 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận công nợ và các tài liệu cần thiết để đánh giá khả năng thu hồi của khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Phó Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Biển

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lan

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 3655-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		170.700.314.853	274.748.968.159
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền			
111	1. Tiền	3	1.240.413.624 1.240.413.624	23.525.026.467 23.525.026.467
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		111.314.224.905	92.089.187.565
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	105.948.245.635	81.239.403.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.168.150.686	2.431.920.455
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	2.197.828.584	8.417.863.790
140	IV. Hàng tồn kho		58.145.676.324	153.075.090.255
141	1. Hàng tồn kho	6	58.145.676.324	153.075.090.255
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	6.059.663.872
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.059.663.872
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.683.356.370	4.022.831.264
220	II. Tài sản cố định		2.956.441.344	4.022.831.264
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	2.956.441.344	4.022.831.264
222	- Nguyên giá		18.333.490.551	18.333.490.551
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.377.049.207)	(14.310.659.287)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		10.726.915.026	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	10.726.915.026	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>184.383.671.223</u>	<u>278.771.799.423</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		138.478.290.806	229.215.182.155
310	I. Nợ ngắn hạn		138.478.290.806	229.215.182.155
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	83.063.459.491	132.282.120.108
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	1.195.038.150	46.773.471.569
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.122.651.029	1.264.876.724
314	4. Phải trả người lao động		642.766.000	819.376.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		211.338	37.020.904
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	50.410.108.975	47.829.820.227
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.035.823	208.496.623
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.905.380.417	49.556.617.268
410	I. Vốn chủ sở hữu		45.905.380.417	49.556.617.268
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	13	20.000.000.000	20.000.000.000
411a	- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		5.551.290.909	5.551.290.909
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.737.400.958	16.737.400.958
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.616.688.550	7.267.925.401
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.804.559	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		3.468.883.991	7.267.925.401
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		184.383.671.223	278.771.799.423

Người lập biểu

Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Hữu Hành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	281.044.382.485		286.930.191.204	
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		281.044.382.485		286.930.191.204	
11	3. Giá vốn hàng bán	15	259.562.076.201		262.067.783.464	
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.482.306.284		24.862.407.740	
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16	12.350.721		41.669.322	
22	6. Chi phí tài chính	17	3.662.475.373		3.948.274.407	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.662.475.373		3.948.274.407	
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	11.725.935.627		11.385.846.498	
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.106.246.005		9.569.956.157	
31	9. Thu nhập khác		-		85.297.455	
32	10. Chi phí khác	19	633.701.602		47.305.916	
40	11. Lợi nhuận khác		(633.701.602)		37.991.539	
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.472.544.403		9.607.947.696	
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	2.003.660.412		2.340.022.295	
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.468.883.991		7.267.925.401	
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	1.734		3.634	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Giám đốc



Đặng Thị Thanh Huyền



Nguyễn Văn Hải



Nguyễn Hữu Hành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU

Ma số CHI TIÊU		Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		238.738.822.169	371.946.711.323
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(210.139.173.867)	(336.059.176.941)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(31.623.238.895)	(30.609.729.415)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.662.475.373)	(3.948.274.407)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.711.065.089)	(2.113.886.694)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.481.627.851	1.286.177.100
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.047.374.108)	(12.243.448.926)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.962.877.312)	(11.741.627.960)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.514.375.000)	(7.917.193.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	54.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.350.721	41.669.322
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.502.024.279)	(7.820.978.405)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		71.070.483.186	81.996.922.337
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(68.490.194.438)	(77.910.197.393)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.400.000.000)	(3.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		180.288.748	1.086.724.944
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(22.284.612.843)	(18.475.881.421)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.525.026.467	42.000.907.888
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		1.240.413.624	23.525.026.467
		3		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Giám đốc



Đặng Thị Thanh Huyền



Nguyễn Văn Hải



Nguyễn Hữu Hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tiền thân là Xí nghiệp Khoan khai thác Nước ngầm trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam - VIWASEEN được thành lập theo Quyết định số 1732/QĐ-BXD ngày 13/12/2006 của Bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 14+500 xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND (hai mươi tỷ đồng), tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình năng lượng, công trình kỹ thuật hạ tầng khác.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty tiếp tục hoạt động chính là thực hiện xây dựng các công trình cấp thoát nước. Tuy nhiên, do không có đủ nhân sự để thực hiện, Công ty đã phải thuê thầu phụ thực hiện dẫn đến lợi nhuận gộp năm nay giảm so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuế hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo từng kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15. Doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình cấp thoát nước và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	87.033.000	60.512.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.153.380.624	23.464.514.467
	<u>1.240.413.624</u>	<u>23.525.026.467</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	Giá trị VND	Giá trị VND
	Dự phòng VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	8.262.595.036	16.171.308.724
Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Đuống	12.617.493.062	18.243.372.000
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	8.524.557.181	12.734.896.010
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Ninh	40.138.904.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	36.404.696.356	34.089.826.586
	<u>105.948.245.635</u>	<u>81.239.403.320</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	<u>8.524.557.181</u>	<u>12.734.896.010</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 26)		

5 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	894.100.000	-	1.000.996.018	-
Phải thu tiền đặt cọc	-	-	5.514.375.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	1.303.728.584	-	1.866.127.274	-
Phải thu khác	-	-	36.365.498	-
	<u>2.197.828.584</u>	<u>-</u>	<u>8.417.863.790</u>	<u>-</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.763.801.491	-	11.256.063.893	-
Công cụ, dụng cụ	118.006.150	-	101.717.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	48.263.868.683	-	141.717.309.251	-
- Gói 1: Đồ Sơn Hải Phòng	24.344.761.442	-	50.446.017.692	-
- Gói 16: Thi công XD mạng lưới cấp nước xã Trảng Việt huyện Mê Linh	-	-	26.102.196.008	-
- Gói 12: Thi công XD tuyến ống truyền dẫn cấp nước và thoát nước hồ Võng La	-	-	37.638.310.571	-
- Xây dựng mạng lưới nước sạch xã Đại Áng và Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội	9.018.715.146	-	-	-
- Gói 8: Cung cấp lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình cải tạo nâng cấp dây chuyền xử lý nước truyền thống Trạm cấp nước Đông Anh	5.483.030.972	-	-	-
- Tổng thầu thi công xây lắp, cung cấp thiết bị (Trừ hạng mục cung cấp thiết bị máy bơm Trạm cấp I và Trạm bơm cấp II; sản xuất, thi công ép cọc và trạm biến áp 560KVA)	6.024.970.675	-	-	-
- Các công trình khác	3.392.390.448	-	27.530.784.980	-
	<u>58.145.676.324</u>	<u>-</u>	<u>153.075.090.255</u>	<u>-</u>

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Nguyên giá	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm	Gia trị hao mòn lũy kế	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm	Gia trị còn lại	Tài ngày đầu năm	Tài ngày cuối năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	VND	11.072.011.824	11.072.011.824	1.174.712.000	1.174.712.000	1.010.721.668	200.570.557	163.990.332
Máy móc, thiết bị	VND	11.072.011.824	11.072.011.824	5.876.241.273	5.876.241.273	3.270.767.786	3.307.791.668	2.605.473.487
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	VND	210.525.454	210.525.454	210.525.454	210.525.454	16.500.000	178.900.456	31.624.998
Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND	18.333.490.551	18.333.490.551	18.333.490.551	18.333.490.551	1.066.389.920	4.022.831.264	2.956.441.344
Công	VND					14.310.659.287		

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10.726.915.026	-
Công trình xây dựng trụ sở Công ty (i)	10.726.915.026	-
	<u>10.726.915.026</u>	<u>-</u>

(i) Thông tin về Dự án xây dựng trụ sở làm việc Công ty như sau:

- Tên dự án: Xây dựng trụ sở văn phòng Công ty;
- Địa điểm xây dựng: Khu đô thị Thanh Hà, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viwaseen 3;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của công ty;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 11 tỷ đồng đến 12 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Quý 4 năm 2018;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2019: Đã hoàn thành việc mua quyền sử dụng đất tại Khu đô thị Thanh Hà và đang thực hiện xây dựng dự toán cụ thể cũng như xin giấy phép xây dựng để khởi công xây dựng trụ sở.

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Tam Phước	5.664.827.960	5.664.827.960	20.148.765.283	20.148.765.283
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Thăng Long	88.358.000	88.358.000	4.633.444.800	4.633.444.800
Công ty Cổ phần Việt Trung	-	-	3.549.548.250	3.549.548.250
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	6.301.777.116	6.301.777.116	-	-
Nhà cung cấp khác	71.008.496.415	71.008.496.415	103.950.361.775	103.950.361.775
	<u>83.063.459.491</u>	<u>83.063.459.491</u>	<u>132.282.120.108</u>	<u>132.282.120.108</u>

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	-	34.564.439.807
Công ty Cổ phần Viwaco	-	3.620.025.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng	-	7.560.451.912
Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội	1.052.503.300	-
Khách hàng khác	142.554.850	1.028.554.850
	<u>1.195.058.150</u>	<u>46.773.471.569</u>

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
VND	VND	VND	VND	VND	VND
dầu năm	dầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	6.132.602.033	3.655.140.951	-	2.477.461.082
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.082.144.093	2.003.660.412	-	374.739.416
Thuế thu nhập cá nhân	-	182.732.631	830.032.131	-	270.450.531
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	49.895.560	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các	-	525.773.224	525.773.224	-	-
kh khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-
-	1.264.876.724	9.544.963.360	7.687.189.055	-	3.122.651.029

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . VAY NGÂN HÀNG

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	19.552.313.081	VND	13.551.217.011	VND	3.853.842.800	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì (ii)	28.277.507.146	28.277.507.146	40.719.266.175	28.440.507.146	40.556.266.175	40.556.266.175
Đối tượng khác (iii)	-	-	16.800.000.000	10.800.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u>47.829.820.227</u>	<u>47.829.820.227</u>	<u>71.070.483.186</u>	<u>68.490.194.438</u>	<u>50.410.108.975</u>	<u>50.410.108.975</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng:

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng số 19089/HĐTD.DAH ngày 14/10/2019:

- Hạn mức tín dụng là 101.000.000.000 VND bao gồm dư nợ các khoản vay ngân hàng; số dư bảo lãnh;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng. Thời hạn của từng khoản vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
- Lãi suất theo từng thời điểm được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: tài sản của bên thứ ba là tài sản của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị với tổng giá trị là 14.462.000.000 VND; tài sản của Công ty là 01 xe ô tô Toyota Fortuner có giá trị 285.000.000 VND và 01 xe ô tô tải gần cầu có giá trị 1.765.000.000 VND; toàn bộ các khoản phải thu/quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng thi công xây lắp được ngân hàng tài trợ.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì theo hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-2019.01227 ngày 06/06/2019:

- Hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND bao gồm dư nợ các khoản vay ngân hàng; số dư bảo lãnh; số dư phát hành thư tín dụng (L/C) và các hình thức cấp tín dụng khác;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn của từng khoản vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 09 tháng;
- Lãi suất theo từng thời điểm được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Nghĩa vụ nợ được đảm bảo bằng số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác; các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác.

(iii) Vay cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 7,5%/năm, không có tài sản bảo đảm.

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	3.148.472.727	17.028.805.649	7.038.044.970	47.215.323.346
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.267.925.401	7.267.925.401
Tăng khác	-	2.402.818.182	-	-	2.402.818.182
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.111.413.491	(7.038.044.970)	(4.926.631.479)
Giảm khác	-	-	(2.402.818.182)	-	(2.402.818.182)
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	5.551.290.909	16.737.400.958	7.267.925.401	49.556.617.268
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.468.883.991	3.468.883.991
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.186.075.000)	(4.186.075.000)
Giảm khác (i)	-	-	-	(2.934.045.842)	(2.934.045.842)
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	5.551.290.909	16.737.400.958	3.616.688.550	45.905.380.417

(i) Xứ lý chi phí thực hiện công trình không được chủ đầu tư nghiệm thu quyết toán theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ-HDQT ngày 01/11/2019 và Quyết định số 238/QĐ-VWS ngày 31/12/2019.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100,00%	7.267.925.401
Trích thưởng cho ban điều hành công ty	18,57%	1.350.000.000
Chi trả cổ tức (12%/năm)	6,00%	436.075.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)	33,02%	2.400.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	10.900.000.000	54,50	10.900.000.000	54,50
Các cổ đông khác	9.100.000.000	45,50	9.100.000.000	45,50
	<u>20.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.400.000.000	3.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.400.000.000	3.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	2.400.000.000	3.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.400.000.000	3.000.000.000
- Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	2.000.000	2.000.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.737.400.958	16.737.400.958
	<u>16.737.400.958</u>	<u>16.737.400.958</u>

14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm
 - Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	281.044.382.485	286.930.191.204
	551.947.570.679	638.659.917.986
	<u><u>281.044.382.485</u></u>	<u><u>286.930.191.204</u></u>

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hợp đồng xây dựng

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	259.562.076.201	262.067.783.464
	<u><u>259.562.076.201</u></u>	<u><u>262.067.783.464</u></u>

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	12.350.721	41.669.322
	<u><u>12.350.721</u></u>	<u><u>41.669.322</u></u>

17 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	3.662.475.373	3.948.274.407
	<u><u>3.662.475.373</u></u>	<u><u>3.948.274.407</u></u>

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế, phí và lệ phí
- Hoàn nhập dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	1.037.766.356	1.228.938.733
	9.270.346.312	9.123.311.252
	411.816.588	425.529.605
	53.395.530	132.601.082
	-	(159.063.000)
	332.592.744	214.714.566
	620.018.097	419.814.260
	<u><u>11.725.935.627</u></u>	<u><u>11.385.846.498</u></u>

19 . CHI PHÍ KHÁC

Các khoản thuế bị phạt

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
	633.701.602	47.305.916
	<u><u>633.701.602</u></u>	<u><u>47.305.916</u></u>

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.472.544.403	9.607.947.696
Các khoản điều chỉnh tăng	918.171.299	221.305.916
- Tiền phạt chậm nộp thuế	633.701.602	47.305.916
- Khấu hao xe ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe	110.469.697	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	174.000.000	174.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(287.907.738)	-
- Lợi nhuận đã tính thuế năm trước	(287.907.738)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.102.807.964	9.829.253.612
	1.220.561.593	1.965.850.722
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	783.098.819	374.171.573
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.082.144.093	856.008.492
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.711.065.089)	(2.113.886.694)
	374.739.416	1.082.144.093

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.468.883.991	7.267.925.401
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.468.883.991	7.267.925.401
	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.734	3.634

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.065.001.372	287.511.787.217
Chi phí nhân công	30.022.153.675	33.176.781.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.066.389.920	1.056.769.604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.977.247.904	26.825.187.740
Chi phí khác bằng tiền	2.637.824.231	1.864.755.300
	180.768.617.102	350.435.281.137

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2019		Giá trị sổ kế toán	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.240.413.624	-	23.525.026.467	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.146.074.219	-	89.657.267.110	-
	<u>109.386.487.843</u>	<u>-</u>	<u>113.182.293.577</u>	<u>-</u>

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vay và nợ	50.410.108.975	47.829.820.227
Phải trả người bán, phải trả khác	83.063.670.829	132.319.141.012
	<u>133.473.779.804</u>	<u>180.148.961.239</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và tương đương tiền	1.240.413.624	-	-	1.240.413.624
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.146.074.219	-	-	108.146.074.219
	<u>109.386.487.843</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>109.386.487.843</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	23.525.026.467	-	-	23.525.026.467
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.657.267.110	-	-	89.657.267.110
	<u>113.182.293.577</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>113.182.293.577</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	50.410.108.975	-	-	50.410.108.975
Phải trả người bán, phải trả khác	83.063.670.829	-	-	83.063.670.829
	<u>133.473.779.804</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>133.473.779.804</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	47.829.820.227	-	-	47.829.820.227
Phải trả người bán, phải trả khác	132.319.141.012	-	-	132.319.141.012
	<u>180.148.961.239</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>180.148.961.239</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	71.070.483.186	81.996.922.337
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	68.490.194.438	77.910.197.393

25 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận đã trả		
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	1.423.680.000	1.779.600.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cấp thoát nước số 1 (Viwaseen 1)	1.308.000.000	1.635.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Cấp thoát nước (Viwaseen 2)	43.680.000	54.600.000
- Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy và Xây dựng (Viwaseen 4)	48.000.000	60.000.000
	24.000.000	30.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng		
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	8.524.557.181	12.734.896.010
	8.524.557.181	12.734.896.010
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Thu nhập của Giám đốc	877.451.000	853.248.091
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.341.918.000	2.055.317.200

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Giám đốc





Nguyễn Hữu Hành